

BÀI TẬP VỀ TÌNH HUỐNG CHẤT VẤN

Gs.TsKH Nguyễn Ngọc Trân

Các nhóm nghiên cứu chủ đề chất vấn sau đây:

Tình hình dàn trải các công trình, thất thoát, lãng phí và tiêu cực trong đầu tư công.

- + *Nêu lên một số ví dụ mà nhóm cho là hậu quả sẽ rất nghiêm trọng.*
- + *Nhóm nhận định về các nguyên nhân (sắp xếp theo thứ tự căn cơ). Theo nhóm, đâu là nguyên nhân của các nguyên nhân?*
- + *Đề xuất các hướng giải pháp.*
- + *Nội dung chất vấn của nhóm là gì? Nhóm gửi (các) chất vấn đến địa chỉ nào?*

Một số thông tin và gợi ý từ cuộc giám sát của UBTVQH năm 2004

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách và giải pháp nhằm khơi dậy nguồn nội lực, tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài để huy động vốn cho đầu tư phát triển. Vốn đầu tư phát triển bình quân hàng năm của giai đoạn (1996-2000) bằng 32,97% GDP, đã tăng lên 35,51% GDP trong giai đoạn 2001-2003.

Nhằm làm cho nguồn vốn đầu tư của Nhà nước được sử dụng có hiệu quả hơn nữa, Quốc hội đã quyết nghị sẽ nghe Chính phủ báo cáo tại kỳ họp thứ 6 "về việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch đầu tư theo ngành và vùng lãnh thổ trong cả nước, kết quả khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải và chống thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản (Nghị quyết số 20/2003/QH11, ngày 26/11/2003).

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tại Nghị quyết số 713/NQ-UBTVQH ngày 18/6/2004, đã thành lập Đoàn giám sát để tiến hành *giám sát tình hình sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước trong xây dựng cơ bản*, chú trọng vào tìm hiểu tình hình, các nguyên nhân và các biện pháp khắc phục tình trạng đầu tư *dàn trải, kéo dài, nợ đọng, kém hiệu quả, lãng phí và thất thoát* nguồn vốn nhà nước trong đầu tư xây dựng cơ bản hiện nay.

Các văn bản pháp quy

Vào thời điểm năm 2004, các văn bản pháp quy hiện hành về công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội ngành và lãnh thổ gồm có:

- + *Chỉ thị 32/CT-TTg* năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về cải tiến, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch;
- + *Thông tư số 05/1999/TT-BKH* ngày 11/11/1999 hướng dẫn quản lý các dự án quy hoạch sử dụng vốn ngân sách nhà nước;
- + *Thông tư số 09/2000/TT-BKH* ngày 02/8/2000, bổ sung một số điểm của *Thông tư số 05/1999/TT-BKH* ngày 11/11/1999.
- + *Thông tư số 05/2003/TT-BKH* ngày 22/7/2003 hướng dẫn về nội dung, trình tự lập, thẩm định và quản lý các dự án quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội lãnh thổ.

Có 5 nhóm ngành đã được quy định trong Thông tư: (1) nhóm về hạ tầng cơ sở hạ tầng kinh tế; (2) nhóm về kết cấu hạ tầng xã hội; (3) gồm các ngành kinh tế kỹ thuật, các sản phẩm chủ lực; (4) lĩnh vực khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường; (5) về sử dụng đất, trồng và bảo vệ rừng, quản lý các khu công nghiệp.

+ *Thông tư số 03/2003/TT-BKH* ngày 19/5/2003 về việc hướng dẫn công tác giám sát đánh giá đầu tư.

Ngoài ra Viện Chiến lược Phát triển của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành tháng 4/2004, ở dạng Dự thảo *Tài liệu hướng dẫn nghiên cứu lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương* (phục vụ công tác lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ 2005-2020).

Công tác quy hoạch hiện nay mới được điều chỉnh bằng một chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ năm 1998 và thông tư hướng dẫn của các bộ ngành.

Về cơ sở pháp lý của công tác quy hoạch ngành trên địa bàn lãnh thổ, quyền hạn của HĐND về quy hoạch được quy định tại Điều 11 (1, 2) của *Luật về Tổ chức HĐND và UBND*; quyền hạn của UBND về quy hoạch được quy định tại Điều 82 (1, 2) của Luật này.

Đối với Thành phố Hồ Chí Minh, *Nghị định 93/2001/NĐ-CP* ngày 12/12/2001, tại Điều 4, phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch.

Trong khi đó, "*cơ sở pháp lý điều chỉnh quy hoạch ngành trên địa bàn lãnh thổ* chưa được cụ thể về trách nhiệm giữa chính quyền địa phương và các bộ ngành trung ương".

Về tình hình thất thoát

Tỉ lệ thất thoát 30 - 35% đã được Thủ tướng Phan văn Khải nói đến trong một cuộc họp công khai và đã được báo chí trích dẫn¹. Sự thất thoát vốn nhà nước trong xây dựng cơ bản đã đến mức khó có thể chấp nhận và là một nỗi bức xúc lớn của Thủ tướng Chính phủ. Thủ tướng nêu lên một thực tế khách quan để yêu cầu cả Chính phủ, các Bộ ngành, các địa phương cùng xắn tay giải quyết.

Tại Hội nghị toàn quốc ngành Kế hoạch và Đầu tư tại Hà Nội, ngày 25/6/2004, Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã phát biểu: "Qua thanh tra bước đầu, rất nhiều công trình lớn thất thoát ... đến xót ruột. Đơn cử như vụ việc ở ngành dầu khí, dự án 17 triệu USD mà đã bị lấy đi hàng triệu USD. Đây là những vụ việc đã thanh tra ra, còn những vụ việc chưa thanh tra ra còn như thế nào? Bên cạnh đó, phải nhìn nhận thất thoát còn đến từ khâu qui hoạch và lập dự án. Quy hoạch một loạt nhà máy chế biến cà chua, sản xuất đường nhưng phải dờ đi vì không có nguyên liệu. Lập dự án thì nghe rất kêu, nào là hệ số thu hồi vốn bao nhiêu phần trăm, nhưng vừa khánh thành đã xin Chính phủ khoan nợ, giãn nợ. Thực hiện công trình xong, khi quyết toán thì chi phí tăng lên gấp đôi."²

¹ Theo Báo *Pháp luật và Đời sống*, tháng 6/2004, nguyên Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Xuân Giá đã trả lời báo chí vào năm 2002, về tỉ lệ thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản là 30%.

² Trích phát biểu của Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Hội nghị toàn quốc ngành Kế hoạch và Đầu tư tại Hà Nội, ngày 25/6/2004, Báo *Tuổi Trẻ*, ngày 26/6/2004.

Về tình hình đầu tư dàn trải

Về các cảng biển.

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, hiện nay (2004) nước ta có khoảng 100 cảng biển tập trung vào 24 tỉnh, thành phố trong cả nước, với tổng chiều dài các bến cảng là 28446 mét, công suất khối lượng hàng hoá thông qua cảng là 64 triệu tấn/năm. Sự phân bố theo vùng và các đặc trưng như sau:

Vùng	Số cảng	Chiều dài bình quân một cảng	Công suất khối lượng hàng hóa bình quân qua một cảng/ năm
ĐB sông Hồng	20	301,8 mét	1,19 tr tấn
Bắc Trung bộ	15	150,4 mét	0,37 tr tấn
Duyên hải Nam Trung bộ	20	218,2 mét	0,69 tr tấn
Đông Nam bộ	33	445,2 mét	1,24 tr tấn
ĐB sông Cửu Long	12	98,1 mét	0,4 tr tấn

Tình hình hoạt động khai thác các cảng biển được đầu tư nâng cấp, xây dựng trong giai đoạn 2001 - 2004 như sau:

Tên cảng, cơ quan quản lý	Loại cảng	Công suất 2003 (tr. tấn)	Thực tế 2003 (tr. tấn)
I. Do bộ ngành quản lý			
Cảng Cái Lân, Bộ GTVT	Tổng hợp	1,8 — 2,8	1,67
Cảng Hải Phòng, Bộ GTVT		6,2	10,51
Cảng Nghệ Tĩnh, Bộ GTVT		1,4 — 2,0	0,68
Cảng Vũng Áng, Bộ GTVT	Tổng hợp	0,6 — 1,1	0,37
Cảng Đà Nẵng, Bộ GTVT		2,84	2,00
Cảng Quy Nhơn, Bộ GTVT	Tổng hợp	1,1 — 1,3	2,03
Cảng Nha Trang, Bộ GTVT	Tổng hợp	0,85	0,74
Cảng Sài Gòn, Bộ GTVT		8,5 — 9,5	11,50
Cảng Cần Thơ, Bộ GTVT	Tổng hợp	2,0 — 2,5	0,65
Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, BTM	Dầu	3,26	3,14
Cảng Dung Quất, TCT Dầu Khí	NM lọc dầu	13,2 — 13,8	-
Tân Cảng, Bộ Quốc Phòng	Tổng hợp	3,6 — 4,3	8,32
II. Do địa phương quản lý			
Cảng Diêm Điền, Thái Bình	Tổng hợp	0,1 — 0,2	0,05
Cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa	Tổng hợp	1,2 — 1,5	0,51
Cảng Chân Mây, T.Thiên Huế		0,5	0,02
Cảng Kỳ Hà, Quảng Nam	Tổng hợp	0,2 — 0,3	0,03
Cảng Ba Ngòi, Khánh Hòa	Tổng hợp	0,1 — 0,2	0,62
Cảng Bến Nghé, Tp Hồ Chí Minh	Tổng hợp	1,5 — 1,6	3,64
Cảng Đông Nai, Đồng Nai	Tổng hợp	0,5	0,41
Cảng Năm Căn, Cà Mau	Tổng hợp	0,1	-
Cảng Hải Vân, Cty XM Hải Vân	Xi măng	0,52	0,06

Nguồn: Báo cáo của Bộ Giao thông Vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam, 1126/CHHVN-KHĐT

Nhiều cảng xây dựng khá gần nhau : cảng Chân Mây (Huế) cách cảng Tiên Sa - Liên Chiểu (Đà Nẵng) khoảng 30km, cảng Dung Quất (Quảng Ngãi) cách cảng Kỳ

hà (Quảng Nam) 10km, v.v. ... Hầu hết các dự án xây dựng cảng biển ở địa phương thường chỉ đủ vốn xây dựng xong hạng mục cầu tàu, còn các hạng mục quan trọng khác của cảng biển như luồng tàu, khu nước, hệ thống bảo hiểm hàng hải ã không có khả năng đầu tư. Điều này dẫn đến các cảng biển tại địa phương không đồng bộ, chắp vá như cảng Chân Mây, Cửa Việt, Phú Quý, Hải Thịnh, Diêm Điền ...

Về các khu công nghiệp, khu chế xuất

Theo số liệu có được đến tháng 6/2003, 137 KCN đã được phê duyệt với tổng diện tích vào khoảng 16500 ha (chủ yếu chuyển đổi sử dụng từ đất nông nghiệp), trong đó 85 đã được thành lập. Trên diện tích đã được xây dựng, khoảng 11500 ha, chỉ mới được 4961 ha (bằng 43,2 % diện tích đã được xây dựng) được lấp đầy.

Theo số liệu mà Bộ trưởng Bộ KHvĐT công bố ngày 17.3.2012, hiện có 28 khu kinh tế cửa khẩu, 15 cảng biển và khu kinh tế ven biển, 286 KCN với tổng diện tích 36000 ha và 1900 cụm công nghiệp.

Nhận định về nguyên nhân nhìn từ các địa phương

Báo cáo của các địa phương về Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ ra những nguyên nhân với số lần lặp lại được thống kê như sau:

1. Thi công (vi phạm, kém chất lượng, ...)	26 lần
2. Vốn (ít, thiếu, cần kéo, ...)	21
3. Chất lượng (dự án, ban quản lý công trình, thi công, giám sát, ...)	20
4. Khảo sát thiết kế không đạt yêu cầu, phải làm lại nhiều lần	17
5. Công tác tư vấn yếu, chất lượng thấp	16
6. Năng lực (của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu, quản lý, tài chính, ...)	14
7. Chủ đầu tư (yếu về năng lực, thông đồng với nhà thầu, buông lỏng quản lý, ...)	14
8. Nghiệm thu (không chặt chẽ, khai dối, ...)	13
9. Thanh quyết toán, quyết toán (chậm, không, gian dối trong thanh quyết toán)	12
10. Quy hoạch (chất lượng, thiếu gắn kết giữa ngành và địa phương, quản lý, ...)	12
11. Nhà thầu (thông đồng với tư vấn, thi công không đúng quy cách, ...)	11
12. Đấu thầu (hạn chế, thông thầu, tiêu cực, ...)	10
13. Giám sát (buông lỏng, sơ hở, ...)	9
14. GPMB, đền bù, tái định cư kéo dài thời gian thi công, nâng tổng mức đầu tư	8
15. Phê duyệt (thời gian, kéo dài, chất lượng, ...)	6
16. Thẩm định hình thức, kém chất lượng, kéo dài thời gian	5
17. Ban quản lý dự án yếu về năng lực	5
18. Văn bản, quản lý nhà nước (sơ hở, không đồng bộ, thiếu chế tài, hay thay đổi, ...)	4

Từ các nguyên nhân đã được nhận diện, có thể tập hợp lại thành các nhóm nguyên nhân chính gây nên tình trạng *lãng phí, thất thoát và tổn thất vốn nhà nước trong XD CB* :

1. *Chất lượng của quy hoạch* và hậu quả của *quy trình và thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản* là không thể chối cãi được. Quy trình *Quy hoạch - Kế hoạch - Dự án công trình* (quy trình 1, sơ đồ 2) và *Quy trình và thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản* (quy trình 2, sơ đồ 2) nặng nề gây nên trì trệ, mặc dù vậy những khe hở cho tiêu cực và thất thoát vẫn tồn tại.

2. *Trình độ năng lực yếu kém và sự thoái hóa về đạo đức* của một số không ít các chủ dự án và ban quản lý dự án.

3. *Trách nhiệm của chủ đầu tư*, từ chủ đầu tư cao nhất là Nhà nước đến các Bộ ngành và chính quyền các cấp là chưa được thực thi đúng mức, thể hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện không đầy đủ và nghiêm túc, và lè lỏi làm việc còn thiếu khoa học.

4. *Cơ chế phân công, phân cấp, phối hợp* chông chéo, không quy rõ trách nhiệm, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát sinh tình trạng cục bộ, bản vị và khép kín. *Chính sách* về tài chính, đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư không thống nhất, thiếu ổn định.

5. *Hệ thống văn bản pháp luật* từ quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đến đấu thầu, giải phóng mặt bằng, nghiệm thu, quyết toán, ... chưa đầy đủ, nhiều nội dung không còn phù hợp với thực tế, thiếu cụ thể, không đồng bộ, hay thay đổi và thiếu chế tài nghiêm minh.

6. Trong các loại tham nhũng, tham nhũng trong xây dựng cơ bản là một vấn đề bức xúc lớn của xã hội. *Sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước* để giải quyết *chưa tương xứng* với mức độ trầm trọng của tham nhũng, lãng phí và thất thoát trong xây dựng cơ bản và sự chờ đợi của cử tri.

Suy nghĩ về hướng giải pháp

(1) Trước tiên cần xác định rõ *quan điểm về phát triển*. Nền kinh tế của Việt Nam có phải sản xuất được những mặt hàng cơ bản mà nhân dân ta cần, hay tập trung để có những sản phẩm mạnh có sức cạnh tranh cao, để trao đổi trong bối cảnh hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa kinh tế hiện nay mà chúng ta đều biết là có những mặt tích cực (thời cơ) đan xen với những mặt thách thức và tiêu cực?

(2) Cần làm rõ *quan điểm về vùng kinh tế*. Mỗi tỉnh có nên và có thể là *một không gian kinh tế độc lập* hay không nhất là khi cơ cấu kinh tế đồng dạng với nhau, hay hợp lực với nhau để có sức mạnh hơn trên thương trường? (Các bản đồ của các tỉnh hiện nay, hành chính hay thổ nhưỡng, thủy văn, giao thông, ..., đều dừng lại ở ranh giới hành chính của tỉnh.)

(3) Để nâng cao chất lượng công tác quy hoạch:

(a) *Quy hoạch* phải tôn trọng quy luật tự nhiên, và quy luật kinh tế-xã hội, trong đó có quy luật của thị trường.

(b) Cần có các dự báo cơ bản, trong nước và quốc tế để quy hoạch có tầm nhìn *có cơ sở khoa học*.

(c) Quy hoạch nói chung cần huy động trí tuệ của đội ngũ chuyên môn am tường, tránh tình trạng khép kín trong ngành vì lợi ích cục bộ, lẫn lộn *thẩm quyền thẩm định, xét duyệt quy hoạch* với *độc quyền quy hoạch*.

(d) Khi có liên quan đến chính sách, cần mô phỏng các tác động của mỗi một dự thảo chính sách trở lại hệ thống kinh tế-xã hội theo nhiều phương án để lựa chọn trước khi quyết định.

(5) Quy hoạch của địa phương cần nhìn rộng hơn ranh giới hành chính, nghĩ đến liên kết với các địa phương lân cận để phát huy tối đa thế mạnh của vùng. Tư tưởng cục bộ ắt sẽ dẫn đến "dàn hàng ngang tiến lên", dàn trải và có thể gây lãng phí.

(6) Công tác quy hoạch *cần được thể chế hóa* bằng một văn bản pháp quy có tính pháp lý cao.

(7) Cần có kinh phí để xây dựng quy hoạch có luận chứng có cơ sở khoa học. Một quy hoạch được chi tiết kiệm gây tổn thất gấp bội./.

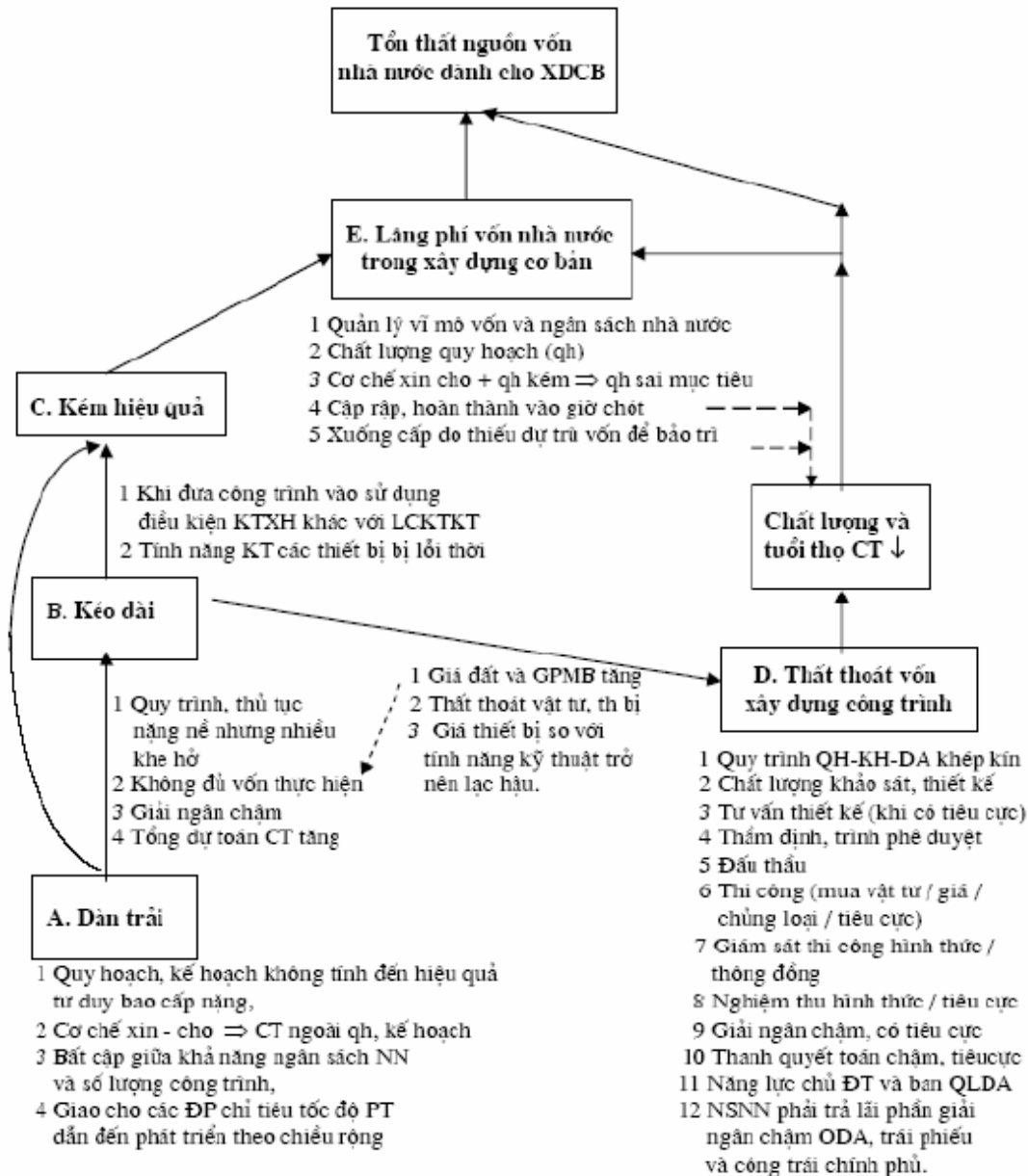
TÌNH HÌNH XÂY DỰNG CƠ BẢN (Trích báo cáo của các địa phương)

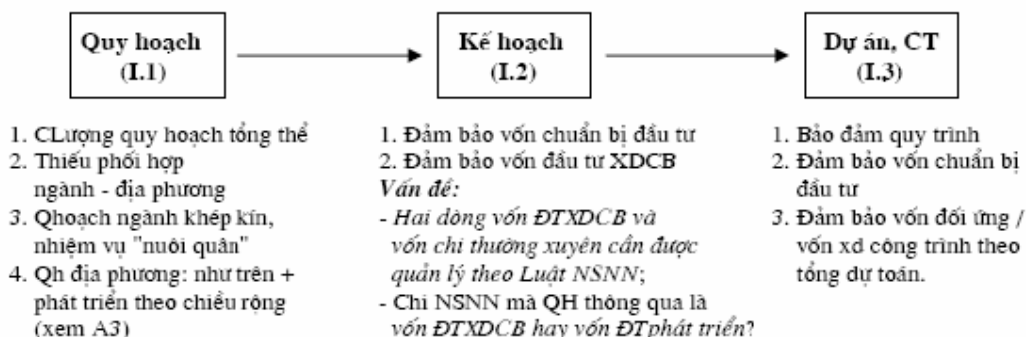
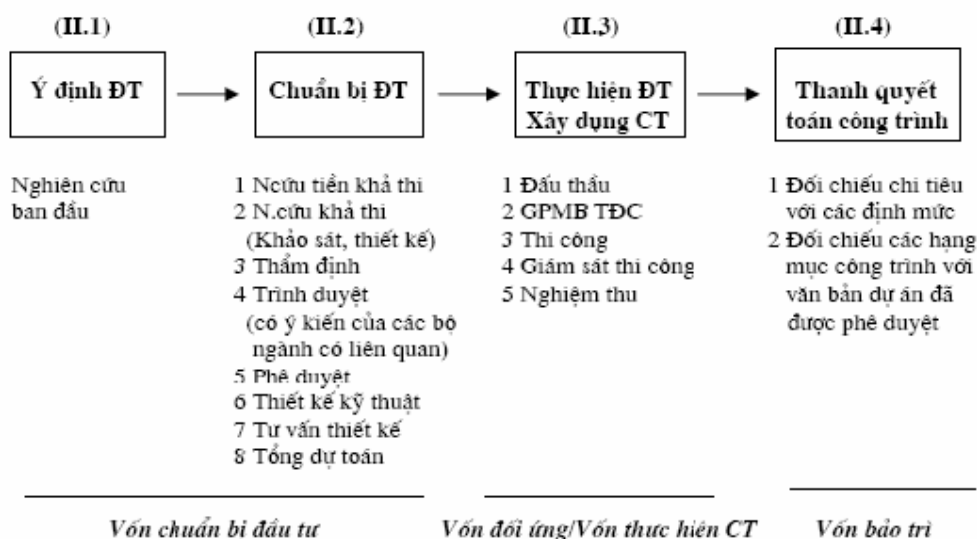
TÌNH HÌNH XÂY DỰNG CƠ BẢN

TỒN TẠI	NGUYÊN NHÂN
Thất thoát	<ul style="list-style-type: none"> - Các dự án có mức vốn đầu tư cao (1) - Công tác đấu thầu (2) - Công tác giám sát, đánh giá (3) - Công tác tư vấn (6) - Chất lượng lập dự án và thiết kế dự toán (7) - Chủ trương, chính sách trong đầu tư XD CB (2) - Chế tài xử phạt chưa nghiêm (1) - Đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư (2) - Định mức XD CB (1) - Năng lực, trách nhiệm ban quản lý dự án (3) - Năng lực, trách nhiệm chủ đầu tư (4) - Năng lực, trách nhiệm của đơn vị thi công (1) - Năng lực, trách nhiệm nhà thầu (3) - Nguồn vốn đầu tư hạn hẹp (3) - Quản lý nhà nước (1) - Quy hoạch chi tiết chưa tốt (1) - Thanh quyết toán chậm (1) - Thời gian hoàn thành gấp (1) - Thẩm định dự án (1) - Thực hiện các dự án bức xúc (1) - Văn bản hướng dẫn sửa đổi nhiều (2)
Nợ đọng:	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực, trách nhiệm chủ đầu tư (1) - Nguồn vốn đầu tư (4)
Kéo dài:	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng lập dự án và thiết kế dự toán (1) - Chủ trương, chính sách trong đầu tư XD CB (1) - Đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư (6) - Năng lực, trách nhiệm đơn vị thi công (1) - Năng lực, trách nhiệm ban quản lý dự án (1) - Năng lực, trách nhiệm chủ đầu tư (1) - Nguồn vốn đầu tư hạn hẹp (6) - Quy hoạch chi tiết chưa tốt (1) - Thanh toán chậm (1) - Thẩm định dự án (1) - Văn bản hướng dẫn sửa đổi nhiều (1)
Chất lượng công trình	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác giám sát, đánh giá (1) - Điều tra cơ bản chưa đầy đủ (1) - Năng lực, trách nhiệm đơn vị thi công (1) - Năng lực, trách nhiệm ban quản lý dự án (3) - Năng lực, trách nhiệm chủ đầu tư (2) - Năng lực, trách nhiệm nhà thầu (1)

Sơ đồ 1

Các mối quan hệ và nguyên nhân của dàn trải, kéo dài, kém hiệu quả, thất thoát, lãng phí và tổn thất vốn nhà nước chỉ cho đầu tư xây dựng cơ bản



Sơ đồ 2**Các quy trình và quy chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản****(I) Về quy trình Quy hoạch - Kế hoạch – Dự án Công trình****(II) Về quy trình và thủ tục ĐTXDCB****Diễn giải bổ sung thêm Sơ đồ 2.**

1. Thiếu vốn chuẩn bị đầu tư sẽ ảnh hưởng đến giai đoạn chuẩn bị đầu tư.
2. Thiếu vốn đối ứng / vốn thực hiện công trình sẽ dẫn đến việc giải ngân bị chậm, kéo dài việc thực hiện công trình, hoặc nếu cứ vay vốn để thực hiện thì dẫn đến nợ đọng vốn. Càng kéo dài thì giá đền bù càng tăng, tác hại trở nên kép hay phi tuyến.
3. Quy trình và các thủ tục trong Quy chế đầu tư xây dựng cơ bản hiện nay hãy còn rườm rà, kéo dài thời gian phê duyệt dự án, nhất là các dự án ODA, và rất dễ sinh ra tiêu cực, như đã thấy trong Phần I.
4. Đối với các dự án ODA, công đoạn chuẩn bị đầu tư và công đoạn thực hiện đầu tư còn phải tuân thủ các thủ tục của các nhà tài trợ. Cần thiết phải hài hoà các thủ tục trong nước với các thủ tục của các nhà tài trợ. Nghị định 17/2001/NĐ-CP về ODA

hiện hành chịu sự chi phối của các Quy chế về đầu tư xây dựng, Quy chế về đầu thầu, Quy chế về giải phóng mặt bằng, tái định cư và giá đất. (Xem *Báo cáo giám sát 10 năm ODA*, Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, tháng 10 năm 2003).

5. Các định mức trong xây dựng cơ bản không sát với thực tế là một yếu tố làm cho tổng dự toán công trình hoặc bị "đội lên" khi thanh quyết toán, hoặc phải kê khai đối. Tiêu cực trong khâu này có đất đẻ nảy sinh.
6. Tình trạng lập dự toán thấp để công trình dễ được phê duyệt là khá phổ biến. Đến khi quyết toán thì dự toán tăng lên khá nhiều, không thanh quyết toán được.
7. Khâu giải ngân và khâu thanh quyết toán công trình, có nơi có lúc, "luật bất thành văn", cũng phải chịu tiêu cực phí.
8. Thất thoát trong xây dựng cơ bản còn để lại hậu quả lâu dài trong tương lai do *chất lượng công trình và tuổi thọ công trình giảm*. Đây là phần *chưa thống kê được* khi tính toán thất thoát trong hiện tại, nhưng lại rất quan trọng trong tương lai.
9. Mọi công trình đều cần được bảo trì. Không dự trù kinh phí cho bảo trì công trình *sau khi đưa vào sử dụng*, sẽ ảnh hưởng đến tuổi thọ của công trình.

(Trích từ Báo cáo gửi đoàn Giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội của Gs.TsKH. Nguyễn Ngọc Trân, thành viên của đoàn).